

Ngày 17/01/2018

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Triệu Thị T, sinh năm 1994;
Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.(Vắng mặt).
2. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1968.
Nơi ĐKKHKT: B, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Thị Đ và Nguyễn Thị T, sinh năm 1968 ở B, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang có mối quan hệ quen biết nhau. Năm 2013, Đ mở và kinh doanh nhà trọ, lấy tên là “Mai Thiên Phú” ở thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Khoảng đầu tháng 10/2017, Triệu Thị T, sinh năm 1994 ở thôn N, xã N, huyện H, tỉnh Lạng Sơn đến thuê phòng trọ nhà Đ để tìm việc làm. Thấy T không có việc làm, không có tiền nên Đ bảo T cứ ở tại nhà trọ của Đ, khi nào có khách mua dâm thì Đ sẽ bảo T bán dâm cho khách, mỗi lần bán dâm cho khách thì Đ sẽ trả cho T 100.000 đồng, T đồng ý.

Trưa ngày 18/10/2017, Nguyễn Thị T đến nhà trọ của Đ chơi rồi nằm nghỉ ở giường phía sau chân cầu thang tầng 1. Khoảng 14 giờ cùng ngày, khi Đ đang nằm nghỉ tại phòng trên tầng 2 nhà trọ thì có 2 người nam giới tự khai là Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 và Nguyễn Văn Tu, sinh năm 1997 đều ở Phố G, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đến nhà trọ của Đ. Đ từ tầng 2 xuống phòng khách tầng 1 gặp T và Tu. T hỏi Đ “Có nhân viên không, bố trí cho hai em”. Đ hiểu ý của T là muốn tìm hai nhân viên nữ để mua dâm nên bảo T, Tu vào phòng ở cuối tầng 1 và phòng ở cuối tầng 2 đợi. T hỏi Đ là bao nhiêu tiền một lần mua dâm, Đ trả lời là 250.000 đồng cả tiền phòng (Tức 250.000 đồng gồm cả tiền mua dâm một lượt và tiền phòng). T đưa cho Đ một tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng để trả tiền mua dâm của T và Tu rồi T vào phòng ở cuối tầng 1, còn Tu vào phòng ở cuối tầng 2 đợi. Sau khi T và Tu vào phòng, Đ bảo Tý và T vào phòng bán dâm cho khách, Tý và T đồng ý. T cầm bao cao su Đ đưa cho rồi phòng cuối tầng 1 bán dâm cho T, còn T vào phòng cuối tầng 2 bán dâm cho Tu. Khi T và T, Tu và T đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị Công an huyện Lạng Giang kiểm tra bắt quả.

Đối với hai đối tượng mua dâm tự khai là Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 và Nguyễn Văn Tu, sinh năm 1997 đều ở Phố Gia Lâm, thị trấn Bồ Hạ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Sau khi bị bắt đưa về trụ sở Cơ quan điều tra ghi lời khai xong, lợi dụng sơ hở, Tu và T đã bỏ trốn. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh tại địa phương, nhưng không xác định được đối tượng nào có tên, tuổi, địa chỉ như các đối tượng khai.

Đối với Nguyễn Thị T và Triệu Thị T có hành vi bán dâm, qua điều tra xác định T và T chưa bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường. Ngày 20/10/2017, Công an huyện Lạng Giang đã xử phạt vi phạm hành chính đối với T và T, mức phạt 200.000 đồng/01 người.

Ngày 30/10/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lạng Giang đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho Dương Thị Đ 01 chứng minh thư nhân dân số 121549416 mang tên Dương Thị Đ. Đ đã nhận lại chứng minh thư nhân dân và không có ý kiến thắc mắc gì.

Vật chứng vụ án gồm: Số tiền 500.000 đồng Đ giao nộp là tiền mua dâm khách trả cho Đ; 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu “Condom Hualei” và 01 bao cao su đã qua sử dụng mà T và T sử dụng để quan hệ tình dục; 15 bao cao su chưa qua sử dụng có nhãn hiệu “Condom Hualei” là của Đ chuẩn bị để phục vụ khách đến Tê phòng trọ khi cần; 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 20F8007266 cấp ngày 10/6/2013; 01 giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy số 0009038 cấp ngày 10/01/2015; 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Triệu Thị T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lạng Giang chuyển cùng hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Cơ quan điều tra, Dương Thị Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số 67/KSĐT, ngày 08/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang truy tố bị cáo về tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 điều 254 BLHS.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố và trình bày: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang phát biểu lời luận tội đối với bị cáo, phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện đồng thời giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1, 5 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1,5 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 và các văn bản hướng dẫn áp dụng những tình tiết có lợi cho bị cáo.

Đề nghị HĐXX xử phạt Dương Thị Đ từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng. Giao bị cáo cho UBND xã Đ Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bằng tiền 5.000.000đồng sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, khoản 2 Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

Tịch T xung quỹ Nhà nước 01 tờ tiền mệnh giá 500.000đồng có số seri ZK 14592922.

Tịch T tiêu hủy 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Condom Hualei, 01 bao cao su đã qua sử dụng, 15 bao cao chưa qua sử dụng nhãn hiệu Condom Hualei .

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại Iphone có số Imei vỏ sau là: 354438066356738 nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Trả lại cho bị cáo 01 giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy số 0009038 cấp ngày 10/01/2015.

Trả lại cho chị Triệu Thị T chứng minh thư nhân dân số 082269261

Trả lại cho bị cáo 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 20F8007266 cấp ngày 10/6/2012 nhưng kiến nghị UBND huyện Lạng Giang T hồi do bị cáo kinh doanh không đúng ngành nghề với giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Buộc bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, tình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Nội dung vụ án: Hồi 14 giờ ngày 18/10/2017, tại nhà trọ có biển hiệu “Mai Thiên Phú” ở thôn N, xã Đ , huyện L, tỉnh Bắc Giang do Dương Thị Đ, sinh năm 1969 làm chủ, Đ đang có hành vi chứa chấp cho Nguyễn Thị T bán dâm cho đối tượng mua dâm tự khai là Nguyễn Văn T; Triệu Thị T bán dâm cho đối tượng mua dâm tự khai là Nguyễn Văn Tu thì bị Công an huyện Lạng Giang bắt quả tang. T lợi bất chính 500.000 đồng.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra cũng như vật chứng đã T hời, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với không gian, thời gian, địa điểm xảy ra hành vi phạm tội. Do đó có đầy đủ cơ sở để khẳng định Dương Thị Đ phạm tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 254 BLHS năm 1999 , kể từ ngày 01/01/2018 Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật, theo hướng dẫn tại Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017, công văn số 04 /TANDTC-PC ngày 09/01/2018 và các văn bản hướng dẫn áp dụng những tình tiết có lợi cho bị cáo thì mặc dù hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực, để áp dụng các tình tiết có lợi cho người phạm tội thì theo quy định tại khoản 1, Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015 thì có khung hình phạt nhẹ hơn Bộ luật hình sự năm 1999. Nên cần xét xử bị cáo theo khoản 1, Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015 . Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trật tự công cộng, làm ảnh hưởng đến đạo đức xã hội và Tàn phong mỹ tục, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Gây ảnh hưởng xấu, tạo dư luận xấu trong nhân dân, hiện nay Đảng và Nhà nước ta đang tuyên truyền vận động nhằm ngăn chặn đẩy lùi, hạn chế mức thấp nhất các tệ nạn xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguyên nhân phát sinh các bệnh xã hội và tệ nạn xã hội.

[3] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 điều 46 BLHS; Bị cáo có bố là ông Dương Ngọc Mỹ, mẹ là Trần Thị Hoa được tặng kỷ niệm chương tham gia thanh niên xung phong, vì vậy HĐXX cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS.

Trong quá trình bị cáo được tại ngoại trở về địa phương ngày 04/11/2017 bị cáo đã phát hiện đối tượng Đỗ Văn Đạt, sinh năm 2002 địa chỉ: Thôn 6, xã Nghĩa Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang có hành vi trộm cắp và đã báo công an huyện Lạng Giang và đã bắt được đối tượng Đỗ Văn Đạt, ngày 02/12/2017 công an huyện Lạng Giang đã có xác nhận, căn cứ theo quy định của pháp luật thì bị cáo được áp dụng điểm q khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Sau khi xem xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX xét thấy không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho bị

cáo hưởng án treo, cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và chấp hành pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất, động cơ vụ lợi nên ngoài hình phạt chính cần áp dụng khoản 5 Điều 254 BLHS năm 1999 và được quy định tại khoản 5 Điều 327 Bộ luật Hình sự năm 2015 phạt bị cáo số tiền 5.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

[4]. Về vật chứng:

Số tiền 500.000 đồng là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch T xung quỹ nhà nước.

Tịch T tiêu hủy 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Condom Hualei, 01 bao cao su đã qua sử dụng, 15 bao cao chưa qua sử dụng nhãn hiệu Condom Hualei .

Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại Iphone có số Imei vỏ sau là: 354438066356738 nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Trả lại cho bị cáo: 01 giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy số 0009038 cấp ngày 10/01/2015, 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 20F8007266 cấp ngày 10/6/2012 mang tên Dương Thị Đ.

Trả lại cho chị Triệu Thị T chứng minh thư nhân dân số 082269261 mang tên Triệu Thị T.

Do bị cáo kinh doanh ngành nghề không đúng với giấy phép đăng ký kinh doanh nên cần kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Lạng Giang T hồi 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 20F8007266 cấp ngày 10/6/2012 mang tên Dương Thị Đ;

Đối với hai đối tượng mua dâm tự khai là Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 và Nguyễn Văn Tu, sinh năm 1997 đều ở Phố G, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi bị bắt đưa về trụ sở Cơ quan điều tra ghi lời khai xong, lợi dụng sơ hở, Tu và T đã bỏ trốn. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh tại địa phương, nhưng không xác định được đối tượng nào có có tên, tuổi, địa chỉ như các đối tượng khai.

Đối với Nguyễn Thị T và Triệu Thị T có hành vi bán dâm, qua điều tra xác định T và T chưa bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường. Ngày 20/10/2017, Công an huyện Lạng Giang đã xử phạt vi phạm hành chính đối với T và T, mức phạt 200.000 đồng/01 người.

Ngày 30/10/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lạng Giang đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho Dương Thị Đ 01 chứng minh thư nhân dân số 121549416 mang tên Dương Thị Đ. Đ đã nhận lại chứng minh thư nhân dân và không có ý kiến thắc mắc gì.

[5]. Bị cáo phải chịu án phí và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

[1]Tuyên bố: Bị cáo Dương Thị Đ phạm tội “Chứa mại dâm”.

Áp dụng khoản 1, 5 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1,5 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt Dương Thị Đ 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bằng tiền 5.000.000đồng sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Dương Thị Đ cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

[2]. Vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

- Tịch T xung quỹ nhà nước số tiền 500.000đồng là tiền do bị cáo phạm tội mà có.

Tịch T tiêu hủy 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Condom Hualei, 01 bao cao su đã qua sử dụng, 15 bao cao chưa qua sử dụng nhãn hiệu Condom Hualei .

Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại Iphone có số Imei vỏ sau là: 354438066356738 nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Trả lại cho bị cáo: 01 giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy số 0009038 cấp ngày 10/01/2015; 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 20F8007266 cấp ngày 10/6/2012 mang tên Dương Thị Đ.

Trả lại cho chị Triệu Thị T chứng minh thư nhân dân số 082269261 mang tên Triệu Thị T.

Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo Dương Thị Đ phải chịu 200.000đ tiền án phí HSST.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các

khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Báo cho bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo, các đương sự.
- VKSND huyện Lạng Giang,.
- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang.
- Công an huyện Lạng Giang.
- Ủy ban nhân dân xã Đ Mỹ
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ Toạ phiên toà
Đã ký

Lê T Hà